

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa và ông Phương Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15/4/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Phương T, sinh năm 1992; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã E, K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn G, xã X, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Anh Ban Văn B, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm G, xã Đ, tỉnh Cao Bằng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 và các lời khai tại tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn Nông Phương T trình bày: Chị và anh Ban Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 13/9/2018.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc tuy nhiên sau đó anh Ban Văn B thường xuyên uống rượu và buông lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị và gia đình chị; anh B cũng không đóng góp về kinh tế và không

cùng chị chăm sóc con chung. Từ tháng 6/2021 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và chị đưa con vào M sinh sống, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Phương T có đơn xin ly hôn anh Ban Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung tên là Ban Nông Minh T1, sinh ngày 04/7/2019, hiện con đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Ban Văn B vắng mặt không có lý do, ngày 17/6/2025 chị Nông Phương T đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tuy nhiên sau đó ngày 07/07/2025 anh Ban Văn B đã có lời khai và trình bày tại Tòa như sau: Anh và chị Nông Phương T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng) vào năm 2018.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị T khai do anh thường xuyên uống rượu là không đúng, anh có uống rượu nhưng không thường xuyên, đôi khi đi thể thao về mới uống với bạn bè; anh thừa nhận được đăng bài trên mạng xã hội xúc phạm về gia đình vợ do khi đó chị T không cho gặp con nên bức xúc không kiềm chế được, ngoài ra khi sống chung với gia đình vợ anh có đôi lần cãi nhau to tiếng với mẹ vợ; anh đi làm về cũng đóng góp tiền nuôi con chứ không phải không có trách nhiệm gì. Năm 2021 chị T tự mang con vào M sinh sống và chặn số điện thoại nên anh không thể gặp con.

Tại phiên tòa anh Ban Văn B nhất trí ly hôn với chị Nông Phương T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên là Ban Nông Minh T1, sinh ngày 04/7/2019, hiện con đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh B làm xây dựng, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, anh không có chứng cứ chứng minh thu nhập nộp cho Tòa do sau mỗi công trình đều nhận tiền mặt, không qua tài khoản Ngân hàng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí để giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nông Phương T được ly hôn với anh Ban Văn B; về con chung: Giao cháu Ban Nông Minh T1 cho chị Nông Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh Ban Văn B; về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Nông Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nông Phương T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ban Văn B, anh B hiện nay đang thường trú tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng.

[2] Về tố tụng: Chị Nông Phương T có đơn yêu xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Phương T và anh Ban Văn B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 13/9/2018. Việc anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; được pháp luật công nhận hôn nhân hợp pháp tính từ ngày 13/9/2018.

Chị Nông Phương T cho rằng quá trình chung sống anh Ban Văn B thường xuyên uống rượu và buông lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị và gia đình chị;

anh B cũng không đóng góp về kinh tế và không cùng chị chăm sóc con chung; từ tháng 6/2021 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Anh Ban Văn B cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, năm 2021 chị T tự mang con vào Miền Nam sinh sống đến nay; anh không thường xuyên uống rượu, anh thừa nhận được đăng bài trên mạng xã hội xúc phạm về gia đình vợ do khi đó chị T không cho gặp con nên bức xúc không kiềm chế được, ngoài ra khi sống chung với gia đình vợ anh có đôi lần cãi nhau to tiếng với mẹ vợ. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Ban Văn B nhất trí ly hôn với chị Nông Phương T.

Như vậy có đủ căn cứ chứng minh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Nông Phương T và anh Ban Văn B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Phương T đối với anh Ban Văn B.

[3.2] Về con chung: Chị Nông Phương T và anh Ban Văn B có một con chung tên là Ban Nông Minh T1, sinh ngày 04/7/2019, hiện con đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; anh Ban Văn B cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Từ năm 2021 đến nay cháu N Ban Minh T1 đã ở với chị Nông Phương T cho đến nay, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Mặt khác chị Nông Phương T có thu nhập ổn định, hiện chị đang làm tại Công ty G (địa chỉ: Phường H, thành phố Hồ Chí Minh), thu nhập bình quân một tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng (theo bảng sao kê tài khoản Ngân hàng do chị T cung cấp). Còn anh Ban Văn B khai thu nhập hàng tháng của anh từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh; ngoài ra từ năm 2021 đến nay anh B cũng không thăm con hay gửi tiền cho chị T nuôi con lần nào, theo anh khai do chị T chặn số điện thoại nên không thăm con được.

Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Phương T tự nguyện không yêu cầu anh Ban Văn B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

Khu vực 3 - Cao Bằng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nông Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nông Phương T được ly hôn với anh Ban Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Ban Nông Minh T1, sinh ngày 04/7/2019 cho chị Nông Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chị Nông Phương T tự nguyện không yêu cầu anh Ban Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Ban Văn B có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002814, ngày 14 tháng 4 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 3) thu; xác nhận chị Nông Phương T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Ban Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nông Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Đình Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Thị Diệu

